

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12/4/2018.

V/v: “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Phương Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: **Trần Thị Lệ**.

2. Bà: **Chung Kim Sang**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Ưng** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2018. Tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 113/2018/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc “*Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 33/4 đường Lương Văn Can, khu phố 3, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Ông **Trần Viết T**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 33/4 đường Lương Văn Can, khu phố 3, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:** Trước đây bà L và ông T tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2001, có tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 2001, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Lý do xin ly hôn: Bà L trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nguyên nhân là do tính tình đôi bên không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng gia đình tiến bộ và hạnh phúc. Nay thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà L xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Trần Đăng Khoa, sinh ngày 29/12/2005 và Trần Minh Thiện, sinh ngày 02/5/2007. Bà L yêu cầu được nuôi con tên Trần Đăng Khoa, và đồng ý giao ông T nuôi con tên Trần Minh Thiện, hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với nhau.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với ông T, yêu cầu được nuôi con tên Trần Đăng Khoa, và đồng ý giao ông T nuôi con tên Trần Minh Thiện, hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với nhau.

*** Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Viết T trình bày:**

Trước đây bà L và ông T tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2001, có tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 2001, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Ông T trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm do tính tình đôi bên không hợp nhau dẫn đến tình cảm rạn nứt. Nay thấy không thể tiếp tục hàn gắn để chung sống hạnh phúc nên ông T đồng ý ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông T xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Trần Đăng Khoa, sinh ngày 29/12/2005 và Trần Minh Thiện, sinh ngày 02/5/2007. Ông T đồng ý giao bà L nuôi con tên Trần Đăng Khoa, và yêu cầu được nuôi con tên Trần Minh Thiện, hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với nhau.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông T đồng ý ly hôn với bà L, đồng ý giao bà L nuôi con tên Trần Đăng Khoa, và yêu cầu được nuôi con tên Trần Minh Thiện, hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị L và ông Trần Viết T là “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2001, có tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Do đời sống chung không phù hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm nên bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với ông T.

Xét quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T đã không tuân thủ các quy định về đăng ký kết hôn theo Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo nghi thức quy định tại Điều 14 của Luật này. Mọi nghi thức kết hôn không theo quy định tại Điều 14 của Luật này đều không có giá trị pháp lý. Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng”*. Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/06/2000 và trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất quyết định không công nhận bà Nguyễn Thị L và ông Trần Viết T là vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Bà L và ông T xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Trần Đăng Khoa, sinh ngày 29/12/2005 và Trần Minh Thiện, sinh ngày 02/5/2007. Ông T, bà L yêu cầu giao bà L nuôi con tên Trần Đăng Khoa, ông T nuôi con tên Trần Minh Thiện, hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với nhau. Việc sống cùng mẹ sau khi cha mẹ ly hôn cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Khoa, việc sống cùng cha sau khi cha mẹ ly hôn cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Thiện nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Khoa cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Thiện cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Do bà L, ông T không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nữ trang, nợ chung: Bà L, ông T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/06/2000;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L với ông Trần Viết T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Trần Đăng Khoa- sinh ngày 29/12/2005 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, giao người con chung tên Trần Minh Thiện- sinh ngày 02/5/2007 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Do bà L, ông T không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Viết T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đối với nhau, không ai được quyền ngăn cản bà L và ông T thực hiện các quyền trên.

3. Về tài sản chung, nữ trang, nợ chung: Bà L, ông T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng bà L đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003976, ngày 26/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, bà L đã nộp xong án phí sơ thẩm và không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- VKSND TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Phương Thanh

NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG CẦN PHẢI LÀM RÕ

- Công trình dựng cột điện bắt đầu từ thời điểm nào và kết thúc vào thời điểm nào?
- Thời điểm ông Bền vào tham gia dựng cột điện thì công trình đã thi công được bao lâu?
- Ngoài việc thỏa thuận ông Bền vào tham gia dựng cột điện thì còn thỏa thuận công việc nào khác nữa không?
- *Khi ông Bền được vào đội thi công dựng cột điện thì ông Bền thỏa thuận trực tiếp với người nào (về tiền lương và công việc phải làm). Ai là người chi trả tiền lương cho ông Bền, chi trả bằng hình thức nào?*
- *Chính xác ông Bền vào tham gia dựng cột điện vào ngày tháng năm nào và đến ngày tháng năm nào thì xảy ra tai nạn (nếu các bên không nhớ thì quá trình giải quyết vụ án các bên đều xác nhận ông Bền vào làm ngày 18/7/2012 và đến khoảng 11h 30 phút thì xảy ra tai nạn có đúng không?). Như vậy, chính xác là ông Bền tham gia dựng cột điện là mấy ngày (thực tế theo ngày tháng trên thì là 05 ngày, nhưng quá trình giải quyết thì các bên đều xác nhận là ông Bền làm được 02 ngày và đến ngày thứ 3 thì xảy ra tai nạn. Như vậy, nội dung nào là*

chính xác)? RẤT QUAN TRỌNG VÌ ĐỂ XÁC ĐỊNH BẢN CHẤT CÔNG VIỆC VÀ XÁC ĐỊNH LOẠI HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG.

- Trong các ngày mà ông Bền đã tham gia dựng cột điện thì mỗi ngày ông Bình đã trả cho ông Bền số tiền là bao nhiêu? (Nếu các bên không nhớ thì quá trình giải quyết các bên xác nhận là ông Bền dựng được 02 ngày và mỗi ngày ông Bình đã trả cho ông Bền là 150.000đ/ngày có đúng không? RẤT QUAN TRỌNG VÌ ĐỂ XÁC ĐỊNH MỨC LƯƠNG LÀM CĂN CỨ BỒI THƯỜNG.

- Đội thi công dựng cột điện thời điểm nhiều nhất là có bao nhiêu người, ít nhất là có bao nhiêu người? Làm ăn chia đều hay như thế nào?

- Từ thời điểm ông Bền bị tai nạn thì công trình hoạt động khoảng bao lâu nữa thì hoàn thành công việc.

- Phương thức dựng cột điện như thế nào?

- Ông Bình có mua bảo hiểm xã hội cho ông Bền không?

- Ông Bền có tham gia bảo hiểm y tế hay bảo hiểm tai nạn gì không?

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

---☪☪☪---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

---☪☪☪---

Rạch Giá, ngày 13 tháng 01 năm 2017

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vụ án: “Tranh chấp bồi thường về tai nạn lao động” giữa:

1/. Nguyên đơn: Ông Ngô Thanh Bền, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp Thạnh An I, xã Thạnh Trị, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

2/. Bị đơn: - Ông Nguyễn Thanh Bình, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số 230/1 Trần Khánh Dư, khu phố 6, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM gồm:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông **Nguyễn Văn Chiến**.

-Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Trọng Mạnh

2. Bà Chung Kim Sang

Hội đồng xét xử thống nhất 100%:

Áp dụng khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 16, Điều 17, Điều 22, Điều 30, Điều 90, Điều 91, Điều 110; Điều 142, Điều 144, Điều 145 Bộ luật lao động năm 2012;

Áp dụng khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự;

Áp dụng Nghị định 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; Quyết định số 959/QĐ-BHXH, ngày 09/9/2015 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Thông tư 04/2015/TT-BLĐTBXH, ngày 02/02/2015; Thông tư số 12/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 21/5/2012

Áp dụng khoản 2 Điều 11; khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh lệ phí án phí, Tòa án ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Thanh Bền đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh Bình, về việc: “Tranh chấp bồi thường về tai nạn lao động”.

2. Buộc ông Bình phải bồi thường tai nạn lao động cho ông Bền số tiền là 175.824.116đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm hai mươi bốn ngàn một trăm mười sáu đồng).

Kể từ ngày ông Bền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Bình không bồi thường số tiền nêu trên, thì hàng tháng ông Bình còn phải trả thêm cho ông Bền khoản tiền lãi tính theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Bình phải nộp án phí số tiền là 5.274.723đ (Năm triệu hai trăm bảy mươi bốn ngàn bảy trăm hai mươi ba đồng).

- Nguyên đơn ông Bền thuộc trường hợp được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí, án phí.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán—Chủ tọa phiên tòa

tai nạn lao động là 135.000.000 đồng (Bằng 30 mươi tháng lương thực nhận 4.500.000đ/tháng. Cách ông Bền tính được tính bằng phương thức như sau: ông

Bền làm được 2,5 ngày được ông Bình trả lương mỗi ngày mỗi ngày 150.000đ x 30 ngày = 4.500.000 đồng).

- Tiền trợ cấp tai nạn lao động là 54.000.000 đồng (12 tháng lương thực nhận 4.500.000đ/tháng).

- Tiền mất thu nhập của người nuôi bệnh là 8.850.000 đồng (tính mỗi ngày 150.000 đồng/ngày, tổng cộng là 59 ngày, tính từ ngày nhập viện 23/7/2012, ra viện ngày 10/08/2012, cụ thể: Giấy nhập viện của bệnh viện Điều dưỡng thành phố Hồ Chí Minh nhập viện ngày 04/12/2012 ra viện ngày 17/12/2012; Giấy nhập viện BVĐK Kiên Giang nhập viện ngày 11/7/2013 ra viện ngày 26/7/2013; Bệnh viện chấn thương chỉnh hình thành phố Hồ Chí Minh nhập viện ngày 21/11/2012 ra viện ngày 04/12/2012).

- Đề nghị cấp phương tiện trợ giúp sinh hoạt dụng cụ chỉnh hình, xe lăn điện nhãn hiệu 160A của nhà sản xuất Kaiyang trị giá 29.000.000 đồng (Ông Bền xác nhận xe ông Bền chưa mua nhưng ông Bền đã đến Công ty để hỏi giá chiếc xe trên và được báo giá là 29.000.000 đồng nên ông Bền đề nghị phía ông Bình hỗ trợ số tiền 29.000.000 đồng để mua chiếc xe nêu trên).

- Tiền trợ cấp hàng tháng là 1.150.000 đồng (TT 04/2015, ngày 02/02/2015 Điều 4).

Về quyền khởi kiện: Ông Nguyễn Thanh Bình là người trực tiếp nhận công trình dựng cột điện từ ông T Anh. Sau đó ông Bình tự tìm nhân công để thành lập đội thi công công trình dựng cột điện từ Vĩnh Thuận về Xẻo Rô (đội dựng cột điện giao động từ 12 đến 15 người), mọi người cùng làm và cùng ăn chia đều với nhau, sau khi trừ đi chi phí ăn uống thì mỗi cột điện dựng được mọi người trong đội được chia 140.000 đồng/1cột điện. Đến ngày 17/8/2012 được sự thống nhất, đồng ý của ông Bình thì ông Ngô Thanh Bền cùng tham gia vào đội thi công dựng cột điện. Đến ngày 23/7/2012 tại địa phận thuộc Tổ 5, ấp Phú Lâm, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang trong lúc dựng cột điện đã xảy ra tai nạn là ông Ngô Thanh Bền bị cột điện đổ đè trúng vào người gây chấn thương. Như vậy, quan hệ lao động giữa người sử dụng lao động là ông Nguyễn Thanh Bình và người lao động là ông Ngô Thanh Bền đã được xác lập, giữa các bên đã phát sinh thỏa thuận lao động về việc làm có trả lương, điều kiện làm việc, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động. Công việc mà ông Bình và ông Bền thỏa thuận là ông Bền sẽ cùng mọi người trong đội tham gia thi công công trình dựng cột điện, sau khi dựng cột điện xong thì các bên chấm dứt quan hệ lao động, do công việc mà các bên giao kết là thực hiện theo một công việc nhất định, có tính chất tạm thời có thời hạn dưới 03 tháng nên giữa ông Bình và ông Bền giao kết hợp đồng lao động bằng L nói là phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 7, Điều 15, Điều 16; điểm c khoản 1 Điều 22 Bộ luật lao động năm 2013. Loại hợp đồng lao động giữa người sử dụng lao động là ông Bình với người lao động là ông Bền thỏa thuận được

xác định là Hợp đồng lao động theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng. Do sau khi tai nạn lao động xảy ra phía người sử dụng lao động là ông Bình không thực hiện việc bồi thường tai nạn lao động cho ông Bền nên ông Bền có quyền khởi kiện vụ án theo quy định tại Điều 4 và Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.